

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/DS-PT

Ngày: 18-4-2022

V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân

Các Thẩm phán: Ông Lương Thanh Chín

Ông Nguyễn Hồng Thái

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Trung – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 4 năm 2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2021, Thông báo hoãn phiên tòa số 64/TB-TA ngày 05 tháng 11 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 88/TB-TA ngày 24 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2021/QĐ-PT ngày 06/12/2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1948.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1976.

Cùng địa chỉ: 80 thôn Dân Phú, xã HK, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Số 507, tổ 12, ấp 2, xã VT, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 182, tổ 9, ấp 2, xã VT, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1979.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: 80 thôn Dân Phú, xã HK, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bình: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965.
Địa chỉ: Số 507, tổ 12, ấp 2, xã VT, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1987.

+ Anh Nguyễn Phúc L, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Số 157, ấp 4, xã VT, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 80 thôn D Ph, xã HK, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H, anh L và anh Ch: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1976. Địa chỉ: 80 thôn D Ph, xã H K, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

+ Anh Nguyễn Đức H, sinh ngày 25/01/2003.

Địa chỉ: Số 303, đường ĐT 767, ấp 2, xã VT, huyện VC, tỉnh Đồng Nai

Tại phiên tòa có mặt: Bà Ng, bà Nh, bà L, bà T, bà H, bà H, anh Ch, anh L, chị H. Vắng mặt ông B, bà L, anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Chồng của bà là ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1935, chết vào ngày 02/8/2006 tại thôn D Ph, xã H K, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Bà và ông Nguyễn Văn N sống chung với nhau từ khoảng năm 1962-1963 tại tỉnh Đồng Nai nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau đó khoảng năm 1993-1994, bà và ông N đến xã H K, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận sinh sống. Quá trình sinh sống, năm 1995 vợ chồng bà nhận chuyển nhượng thửa đất viết giấy tay của ông Phan Văn H, đến năm 2004 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 526, tờ bản đồ số 05, diện tích 80 m² tại thôn D Ph, H K, Hàm Thuận Nam do UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA195937 Ngày 30/9/2004 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn N. Toàn bộ tiền nhận chuyển nhượng đất là do vợ chồng bà làm lụng, giành dụm cả cuộc đời, các con không đóng góp tiền bạc để nhận chuyển nhượng diện tích đất trên. Lý do thời điểm đó khó khăn con bà có người lập gia đình, có người còn nhỏ. Bà và ông Nguyễn Văn N và có 11 người con gồm:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963, chết năm 1997. Bà L 02 con là chị Nguyễn Thị Mỹ Ha và anh Nguyễn Phúc L.

2. Bà Nguyễn Thị L.

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968, chết năm 2005. Bà L có 01 con là anh Nguyễn Văn Chi.

4. Ông Nguyễn Văn Tha, sinh năm 1970, chết năm 2009, ông Tha có vợ là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1969, có con là Nguyễn Đức H, sinh năm 2003.

5. Bà Nguyễn Thị T.

6. Một người con sinh năm 1974, chưa đặt tên, sau khi sinh khoảng 01 năm thì chết.

7. Bà Nguyễn Thị Nh.

8. Ông Nguyễn Văn Bi.

9. Bà Nguyễn Thị H.

10. Bà Nguyễn Thị H.

11. Ông Nguyễn Tiến Ph, sinh năm 1988, ông Ph chết năm 2015, địa chỉ trước khi chết: xã H K, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Ông Nguyễn Văn N chết không để lại di chúc. Trên diện tích đất 80m² có 01 căn nhà cấp 4 do bà Nguyễn Thị Nh xây dựng năm 2014 và một cái giếng tự đào không còn sử dụng được. Các tài sản trên hiện do bà và con gái bà là Nguyễn Thị Nh đang quản lý, sử dụng.

Bà Nguyễn Thị Ng yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản của ông Nguyễn Văn N là 40m² (½ diện tích đất 80m²), tọa lạc tại số 80, thôn D Ph, xã H K, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận theo quy định của pháp luật. Bà yêu cầu được nhận tài sản thừa kế là quyền sử dụng diện tích đất 40m², bà sẽ thanh toán giá trị quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày:

Cha của bà là ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1935, chết vào ngày 02/8/2006, tại thôn D Ph, xã H K, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận; mẹ của bà là bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1948, hiện đang cư trú tại thôn D Ph, xã HK, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Cha mẹ bà có tạo lập tài sản chung là một thửa đất diện tích 80m², tọa lạc tại số 80, thôn D Ph, xã H K, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, trên đất có 01 giếng nước đào hiện không sử dụng. Đất đã được UBND huyện Hàm Thuận Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 195937 ngày 30/9/2004 cho hộ ông Nguyễn Văn N. Nay bà Ng yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản của ông N là diện tích đất 40m² (½ diện tích đất 80m²), bà Ng có nguyện vọng được nhận tài sản thừa kế và sẽ thanh toán giá trị quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế. Bà đồng ý chia thừa kế như nguyện vọng của bà Ng và để lại phần di sản mà bà được hưởng cho bà Ng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Thửa đất số 526, tờ bản đồ số 05, diện tích 80 m² tại thôn D Ph, H K, Hàm Thuận Nam được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA195937 ngày 30/9/2004 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn N là do cha mẹ bà nhận sang nhượng từ người khác, bà không đóng góp gì, bà đồng ý giao lại tài sản thừa kế khi được hưởng di sản thừa kế của ông N cho bà Nguyễn Thị Ng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ H, anh Nguyễn Phúc L trình bày:

Anh, chị là con bà Nguyễn Thị L, cháu ông Nguyễn Văn N. Nếu được hưởng di sản thừa kế thì để lại cho bà Nguyễn Thị Ng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Thửa đất số 526, tờ bản đồ số 05, diện tích 80 m² tại thôn Dân Phú, Hàm Kiệm, Hàm Thuận Nam được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA195937 Ngày 30/9/2004 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn N là do cha mẹ bà nhận chuyển nhượng từ người khác, bản thân bà không đóng góp gì vào số tài sản trên. Bà không đồng ý theo trình bày của bà Ng, nếu phải chia thì bà đồng ý nhận di sản thừa kế.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Thửa đất số 526, tờ bản đồ số 05, diện tích 80 m² tại thôn D Ph, H K, Hàm Thuận Nam được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA195937 Ngày 30/9/2004 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn N là do cha mẹ bà nhận chuyển nhượng từ người khác, bản thân bà khi đó mới 15 tuổi không đóng góp gì vào số tài sản chung trên. Bà không đồng ý theo trình của bà Ng. Bà cho rằng đất cấp cho hộ thì những người có tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đồng sở hữu, nếu phải chia thì bà đồng ý nhận di sản thừa kế.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu H, cháu Nguyễn Đức H trình bày:

Thừa nhận là vợ con của ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1970, cháu ông Nguyễn Văn N. Nếu được hưởng di sản thừa kế thì đồng ý nhận.

Sau khi hòa giải không thành;

Ngày 07/01/2020, Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam đã đưa vụ án ra xét xử tại bản án số 01/2020/DS-ST; Quyết định:

Áp dụng:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 631, 632, 633, 634, 635, 636, 674, 675, 676, 677 của Bộ luật dân sự năm 2005.
- Căn cứ Điều 166, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.
- Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn N là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 526, tờ bản đồ số 05, diện tích 80 m² được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA195937 ngày 30/9/2004 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn N tọa lạc tại thôn D Ph, H K, Hàm Thuận Nam.

Bà Nguyễn Thị Ng được quyền sử dụng định đoạt thửa đất số 526, tờ bản đồ số 05, diện tích 80 m² trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 27 m² tại thôn D Ph, H K, Hàm Thuận Nam được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA195937 ngày 30/9/2004 hộ ông Nguyễn Văn N.

Buộc bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Văn B phải giao tài sản trên cho bà Nguyễn Thị Ng.

Bà Nguyễn Thị Ng phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền 8.298.181 đồng (Tám triệu hai trăm chín mươi tám ngàn một trăm tám mươi một đồng) di sản thừa kế.

Bà Nguyễn Thị Ng phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 8.298.181 đồng (Tám triệu hai trăm chín mươi tám ngàn một trăm tám mươi một đồng) di sản thừa kế.

Bà Nguyễn Thị Ng phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Th số tiền 8.298.181 đồng (Tám triệu hai trăm chín mươi tám ngàn một trăm tám mươi một đồng) di sản thừa kế vợ Nguyễn Thị Thu H và con Nguyễn Đức H được hưởng.

Bà Nguyễn Thị Ng phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn B số tiền 8.298.181 đồng (Tám triệu hai trăm chín mươi tám ngàn một trăm tám mươi một đồng) di sản thừa kế và 36.720.000 đồng tiền tài sản tạo lập đất.

Bà Nguyễn Thị Ng phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 8.298.181 đồng (Tám triệu hai trăm chín mươi tám ngàn một trăm tám mươi một đồng)

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

Ngày 17/01/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo không đồng ý bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án của cấp sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các đương sự thống nhất xác định thửa đất số 526 có diện tích đo đạc thực tế là 66,7m² theo mảnh chính lý thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Hàm Thuận Nam; thống nhất tài sản trên đất như quyết định của bản án sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thống nhất theo giá thẩm định tài sản mà bà Lê cung cấp là 861.097.000đ.

- Bà Nguyễn Thị Ng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bà Nguyễn Thị Nh: Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam vì các ông bà có công sức đóng góp để cha mẹ mua thửa đất số

526, tờ bản đồ số 05, nên đây là tài sản chung của hộ gia đình. Bà L yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật là thửa đất số 526, tờ bản đồ số 05 và bà hoàn lại bằng tiền cho các đồng thừa kế khác trên cơ sở giá trị quyền sử dụng đất là 1.500.000.000đ. Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H thống nhất với ý kiến của bà L.

- Bà Nguyễn Thị T: Tại cấp sơ thẩm, bà T nhường phần thừa kế mà bà được hưởng cho bà Ng; tại cấp phúc thẩm bà yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế mà bà được hưởng, bà Ng đồng ý với yêu cầu của bà T.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Phúc L: Tại cấp sơ thẩm, anh, chị nhường phần thừa kế mà anh chị được hưởng cho bà Ng; tại cấp phúc thẩm anh chị yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế, bà Ng đồng ý với yêu cầu của chị H, anh L.

- Anh Nguyễn Văn Ch: Giữ nguyên ý kiến tại cấp sơ thẩm, nhường phần thừa kế của anh cho bà Nguyễn Thị Ng.

- Bà Nguyễn Thị Thu H: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà Hà chết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Nguyễn Văn N nhưng nguồn gốc là đất ở do vợ chồng ông N, bà Ng nhận chuyển nhượng của người khác, những người con không đóng góp gì vào việc hình thành khối tài sản này nên không phải là tài sản chung của hộ. Ông N chết không để lại di chúc nên di sản ông để lại (1/2 thửa đất số 526 đã được đo đạc thực tế là 66,7m² được chia làm 11 phần (bà Ng và 10 người con), những người con của ông N, bà Ng đã chết thì phần thừa kế của họ được chia theo pháp luật. Giao cho bà Ng được quyền sử dụng thửa đất số 526 và quyền sở hữu các tài sản trên đất, bà Ng hoàn trả bằng tiền kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế khác trên cơ sở xác định giá trị di sản là 1/2 số tiền 861.097.000đ và giá trị tài sản trên đất. Do giá trị di sản thừa kế thay đổi, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng nêu trên và sửa phần án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa có mặt ông B, sau đó ông B không tham gia phiên tòa nhưng đã có mặt bà Nguyễn Thị L là đại diện ủy quyền. Bà L (vợ ông B) vắng mặt, nhưng ông B thừa nhận bà L đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng bà L không tham gia phiên tòa; anh H vắng mặt và theo bà L thì anh H cũng đã nhận được giấy triệu tập nhưng không tham gia phiên tòa. Xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm cả bà L và anh H đều không kháng cáo, vụ án này đã hoãn phiên tòa nhiều lần và việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 294 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án như đề nghị của nguyên đơn, bị đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[2] Về di sản thừa kế: Thửa đất số 526, tờ bản đồ số 05, diện tích 80 m² do UBND huyện Hàm Thuận Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA195937 ngày 30/9/2004 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn N tại thôn DPh, H K, Hàm Thuận Nam, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn. Công văn số 1142/UBND-TNMT ngày 30/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Nam xác định: *Thửa đất số 526, tờ bản đồ số 5 có nguồn gốc do hộ ông Nguyễn Văn N nhận chuyển nhượng của ông Phan Văn H vào năm 1995, sau khi nhận chuyển nhượng hộ ông Nguyễn Văn N xây dựng nhà ở và sử dụng cho đến nay; ngày 30/9/2004, hộ ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.* Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất nêu trên là do ông N, bà Ng nhận chuyển nhượng từ người khác. Tại cấp sơ thẩm, bà L, bà H, bà H cũng thừa nhận các bà không có đóng góp vào việc tạo lập thửa đất nêu trên. Tại cấp phúc thẩm, các bà lại cho rằng mặc dù các bà không đưa tiền cho cha mẹ là ông N, bà Ng mua đất, nhưng khi con cái sống chung cùng cha mẹ thì đều đi làm và đưa hết tiền cho cha mẹ, từ đó cha mẹ mới có tiền mua đất, nên các bà xác định thửa đất số 526 là tài sản chung của cha mẹ và các con. Xét thấy, tại thời điểm năm 1995 (thời điểm ông N, bà Ng nhận chuyển nhượng đất), thì bà L đã có gia đình riêng, sinh sống ở Đồng Nai, không sống chung với cha mẹ ở Bình Thuận, không có tên trong sổ hộ khẩu của ông N, bà Ng; khi đó bà H 14 tuổi, bà H 12 tuổi, ông B 16 tuổi thì chưa thể đóng góp gì trong việc tạo lập thửa đất số 526. Nếu khi sống cùng cha mẹ, con cái có đi làm và đưa tiền cho cha mẹ để chi phí sinh hoạt hàng ngày cũng là điều hiển nhiên, phù hợp với đạo lý gia đình Việt Nam và điều kiện thực tế của gia đình bà Ng. Thửa đất nêu trên có mục đích sử dụng là đất ở, không phải là đất nông nghiệp được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất theo bình quân nhân khẩu tại địa phương, nên thuộc quyền sử dụng của ông N, bà Ng, các thành viên khác trong hộ ông N, bà Ng không có quyền sử dụng đối với thửa đất này. Ý kiến của bà H, bà H, bà L yêu cầu xác định thửa đất này là tài sản chung của cha mẹ và các con là không có cơ sở chấp nhận. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì ông N được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất số 526, ông N chết năm 2006, nên $\frac{1}{2}$ thửa đất 526 là di sản thừa kế. $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Ng.

[3] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông N là 80m² (diện tích được cấp giấy không nằm trong hành lang an toàn đường bộ). Ngày 06/8/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Thuận Nam cung cấp cho Tòa án Mảnh chính lý trích lục địa chính số 129-2018 thể hiện tổng diện tích đất sử dụng 173,8m² (trong đó 107,1m² nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ; 66,7m² nằm ngoài hành lang bảo vệ đường bộ). Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận thửa đất nêu trên thực tế sử dụng có biến động, thống nhất theo kết quả đo vẽ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Thuận Nam, xác định diện tích đất tranh chấp là 66,7m².

[4] Ông Nguyễn Văn N chết không để lại di chúc nên di sản của ông N được chia theo pháp luật. Có 11 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N gồm: Bà Nguyễn Thị Ng (vợ) và 10 người con: Bà Nguyễn Thị L (chết năm 1997, chết trước ông N nên con bà L là chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Phúc L được hưởng thừa kế thế vị), bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L (chết năm 2005, chết trước ông N nên con bà L là anh Nguyễn Văn Ch được thừa kế thế vị), ông Nguyễn Văn Th (chết năm 2009, ông Th có vợ là bà Nguyễn Thị Thu H và con là Nguyễn Đức H. Năm 2021 bà H

chết không có di chúc, cha mẹ bà H cụ Nguyễn Văn Ch, và cụ Nguyễn Thị T đã chết, người thừa kế duy nhất của bà H là anh H, nên anh H được hưởng 2/3, bà Ng được hưởng 1/3 suất thừa kế theo pháp luật của ông Th), bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Tiến Ph (ông Ph chết năm 2015, chưa vợ con nên bà Ng được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Ph).

[5] Về giá trị di sản: Bị đơn Nguyễn Thị Nh yêu cầu định giá đất theo giá thị trường và thuê Công ty CP Thẩm định giá và Tư vấn đầu tư Việt – Nhật định giá thửa đất trên trị giá 555.410.900 đồng; không đồng ý với giá của bị đơn, bà Nguyễn Thị L ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Tư vấn và thẩm định giá Toàn cầu định giá thửa đất trên trị giá 861.097.000 đồng, nguyên đơn, bị đơn thống nhất với kết quả định giá do bà L yêu cầu. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L tự đưa ra giá là 1.500.000.000đ, với điều kiện giao toàn bộ thửa đất 526 cho bà được quyền sử dụng. Xét thấy ý kiến của bà L là không có cơ sở chấp nhận, vì việc xác định giá trị tài sản phải trên cơ sở định giá và nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất theo kết quả định giá mà bà L yêu cầu, nên không có cơ sở xác định giá trị thửa đất như ý kiến của bà L, Hội đồng xét xử xác định giá trị thửa đất số 526 là 861.097.000 đồng, di sản ông N để lại 430.548.500đ.

[6] Kỷ phần thừa kế: Mỗi người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N được hưởng 430.548.500đ : 11 = 39.140.772đ.

[7] Chia bằng hiện vật: Thửa đất 526 đo đạc thực tế 66.7m² không đủ điều kiện về diện tích đất tối thiểu để tách thửa theo Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Bình Thuận, thửa đất này có ½ diện tích (33.35m²) thuộc quyền sử dụng của bà Ng và bà Ng cũng đang thực tế sinh sống trên thửa đất này. Do vậy, Hội đồng xử sẽ giao toàn bộ thửa đất (phần của bà Ng và phần di sản của ông N để lại) cho bà Ng sử dụng, bà Ng có trách nhiệm hoàn lại bằng tiền cho các đồng thừa kế khác. Bà L yêu cầu nhận thừa kế bằng hiện vật là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Hoàn lại bằng tiền: Tại cấp sơ thẩm, bà T và chị H, anh L nhường kỷ phần thừa kế cho bà Ng, tại cấp phúc thẩm, những người này yêu cầu được nhận di sản thừa kế, bà Ng cũng đồng ý hoàn tiền cho bà T, chị H và anh L. Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bà Nh, anh Ch đều nhường kỷ phần thừa kế cho bà Ng và bà Ng đồng ý nhận. Đây là sự thỏa thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử công nhận. Người thừa kế của ông N là ông Nguyễn Tiến Ph, chết năm 2015, chưa có vợ, con, nên bà Ng là người thừa kế và được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Ph. Như vậy, bà Ng có trách nhiệm hoàn kỷ phần thừa kế bằng tiền cho: Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B mỗi người 39.140.772đ; hoàn cho anh Nguyễn Đức H 26.093.848 đ; hoàn cho chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Phúc L mỗi người 19.570.386 đ.

[9] Đối với căn nhà cấp 4B diện tích 27,2m² bà Nh, ông B khai là do 02 người bỏ tiền ra xây dựng, ngày 25/10/2019, Hội đồng định giá cấp sơ thẩm định giá căn nhà giá trị 73.440.000đồng; bà Nh đồng ý giao tài sản bà đang sử dụng cho bà Ng, cấp sơ thẩm xác minh ông B thường xuyên không sử dụng căn nhà trên và buộc bà Nh, ông B giao căn nhà cho bà Ng là có căn cứ. Về giá trị căn nhà, trong quá trình tổ tụng các đương sự không yêu cầu cấp phúc thẩm định giá lại căn nhà; do đó, Hội đồng xét xử

giao bà Ng được quyền sở hữu căn nhà trên thửa đất 526 và hoàn tiền cho ông B $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà.

[10] Về chi phí định giá: Các đương sự tự chi trả chi phí định giá tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[11] Do giá trị tài sản tranh chấp có thay đổi nên kháng cáo của các đương sự được hội đồng xét xử chấp nhận một phần, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ. Hội đồng xét xử sẽ sửa án sơ thẩm như nhận định trên. Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm trên số di sản được chia, bà Ng được miễn án phí sơ thẩm; người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn B. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam.

Áp dụng: khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, 612, 613, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự; Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Xác định 1/2 thửa đất số 526, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA195937, UBND huyện Hàm Thuận Nam cấp ngày 30/9/2004 cho hộ ông Nguyễn Văn N, tọa lạc tại thôn D Ph, xã HK, huyện Hàm Thuận Nam, diện tích ghi trên giấy chứng nhận là 80 m² (đo đạc thực tế 66.7m² theo Mạnh chính lý trích lục địa chính số 129-2018 ngày 06/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Thuận Nam) là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn N. Giá trị di sản của ông N để lại là: 430.548.500đ.

2. Xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn N là: Bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị L (chết năm 1997, chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Phúc L là người thừa kế thế vị), bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L (chết năm 2005, anh Nguyễn Văn Ch là người thừa kế thế vị), ông Nguyễn Văn Th (chết năm 2009, anh Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị Ng là người thừa kế), bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Tiến Ph (chết năm 2015, bà Ng là người thừa kế).

3. Chia di sản bằng tiền: Mỗi người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N được chia 39.140.772đ.

4. Chia bằng hiện vật: Giao cho bà Nguyễn Thị Ng được quyền sử dụng thửa đất số 526, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA195937, UBND huyện Hàm Thuận Nam cấp ngày 30/9/2004 cho hộ ông Nguyễn Văn N, tọa lạc tại thôn D Ph, xã H K, huyện Hàm Thuận Nam, diện tích ghi trên giấy chứng nhận là 80 m² (đo đạc thực tế 66.7m² theo Mạnh chính lý trích lục địa chính số 129-2018 ngày 06/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Thuận Nam), trong đó có ½ diện tích thuộc quyền sử dụng của bà Ng và ½ diện tích là di sản do ông N để lại. Bà Nguyễn Thị Ng được quyền sở hữu căn nhà diện tích 27.2 m² xây dựng trên thửa đất số 526.

Bà Nguyễn Thị Ng liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Hoàn lại bằng tiền: Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Ng và bà Nguyễn Thị Nh, anh Nguyễn Văn Ch: Bà Ng được hưởng kỷ phần thừa kế của bà Nh và anh Ch.

Bà Nguyễn Thị Ng có trách nhiệm thanh toán cho: Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B mỗi người 39.140.772đ; thanh toán cho anh Nguyễn Đức H 26.093.848 đ; thanh toán cho chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Phúc L mỗi người 19.570.386 đ.

6. Buộc bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị L phải giao tài sản là căn nhà xây dựng trên thửa đất 526 cho bà Nguyễn Thị Ng. Bà Nguyễn Thị Ng phải thanh toán cho ông B, bà L 36.720.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Án phí:

- Bà Nguyễn Thị Ng được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ng 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0007256 ngày 23/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam.

- Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn B mỗi người phải chịu 1.957.038 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ H, anh Nguyễn Phúc L mỗi người phải chịu 978.519đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Nguyễn Đức H phải chịu 1.304.692 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại mỗi người 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004089, 0004090 ngày 13/5/2020 và 0008404 ngày 14/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (18/4/2022)

(Kèm theo bản án, Mảnh chính lý trích lục địa chính số 129-2018) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Thuận Nam đo vẽ ngày 6/8/2018)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Hàm Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam;
- Đường sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quân